CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI

Digitally signed by CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hoàn Kiếm, CN=CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102333992
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.11.21 16:29:45+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.3.0

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No: 4779 /2024/TB-SSIAM-NVQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, Tại ngày: 21 tháng 11 năm 2024
As at 21 Nov 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank:* Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/*ETF name:* QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **20/11/2024**
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF
  Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volume*	*Weighting*
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	4,400	5.69%
2	CTG	800	1.42%
3	DCM	100	0.19%
4	DGC	200	1.13%
5	DIG	500	0.53%
6	DPM	100	0.18%
7	EIB	1,700	1.62%
8	FPT	1,380	9.55%
9	FRT	100	0.87%
10	GEX	700	0.64%
11	GMD	400	1.36%
12	HCM	300	0.43%
13	HDB	2,400	3.15%
14	HPG	3,900	5.28%
15	HSG	500	0.49%
16	HUT	300	0.25%
17	IDC	200	0.57%
18	KBC	600	0.85%
19	KDC	100	0.27%
20	KDH	600	1.02%
21	LPB	2,500	4.16%
22	MBB	3,200	3.94%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volume*	*Weighting*
I	**Chứng khoán/Stock**		
23	MSB	2,600	1.55%
24	MSN	700	2.61%
25	MWG	1,300	3.98%
26	NLG	300	0.59%
27	PDR	400	0.43%
28	PNJ	300	1.46%
29	POW	500	0.30%
30	PVD	300	0.37%
31	PVS	200	0.36%
32	SHB	3,400	1.83%
33	SHS	800	0.55%
34	SSB	2,000	1.80%
35	SSI	1,600	2.03%
36	STB	2,100	3.57%
37	TCB	5,100	6.08%
38	TPB	1,400	1.18%
39	VCB	600	2.87%
40	VCG	300	0.28%
41	VCI	400	0.69%
42	VHM	1,700	3.82%
43	VIB	1,600	1.54%
44	VIC	1,200	2.58%
45	VJC	300	1.62%
46	VND	1,200	0.87%
47	VNM	900	3.02%
48	VPB	4,800	4.73%
49	VPI	100	0.31%
50	VRE	1,000	0.95%
II	**Tiền/Cash(VND)**	**83,724,012**	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND) **1,795,305,000**

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND) **1,879,029,012**

+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND) **83,724,012**

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	**Substitution cash per share (VND)**	**Applied to**	**Reason**
1	ACB	24,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	GMD	63,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
3	MBB	23,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	PNJ	91,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	SSI	23,850	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
6	TPB	15,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	VCB	90,000	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
8	VCI	32,250	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
9	VIB	18,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	VND	13,700	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/*Other criteria*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 20/11/2024	Kỳ trước/Last Period(**) 19/11/2024	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	6,400,000.00	6,400,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	19,050.00	18,850.00	200.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	120,257,856,806.00	121,498,370,269.00	-1,240,513,463.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,879,029,012.00	1,898,412,035.00	-19,383,023.00
của 1 CCQ/ per Share	18,790.29	18,984.12	-193.83
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,140.67	2,118.86	21.81

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 19/11/2024

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 18/11/2024

Đại diện tổ chức

Organization representative

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI

M.S.D.N: 0102333992 - C.T.T.N.H.H - Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Tô Thùy Linh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC